

Số: 16/QĐ-TTG

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT YÊU CẦU BÁO GIÁ
VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT YÊU CẦU BÁO GIÁ GÓI THẦU:
“Mua thức ăn cá trắm cỏ giống”

GÍAM ĐỐC TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN VÀ CÂY TRỒNG

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-HĐTV ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý điều hành Chi nhánh Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Trung tâm Giống Thủy sản và Cây trồng;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-TCT ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên về việc ban hành quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-TCT ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Tổng Công ty ban hành kèm theo quyết định số 132/QĐ-TCT ngày 01/06/2021 của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Xét Tờ trình số 11/TTr-NVTH ngày 20 tháng 02 năm 2023 của phòng Nghiệp vụ Tổng hợp về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu “Mua thức ăn cá trắm cỏ giống”.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt bản yêu cầu báo giá gói thầu “Mua thức ăn cá trắm cỏ giống” (Chi tiết đính kèm).

Điều 2: Quyết định này là căn cứ để bên mời thầu triển khai thực hiện đăng tải thông báo mời thầu và thực hiện các bước tiếp theo được quy định tại Quyết định 132/QĐ-TCT ngày 01 tháng 6 năm 2021.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Phòng Nghiệp vụ Tổng hợp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



YÊU CẦU BÁO GIÁ

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương II. Biểu mẫu yêu cầu báo giá và chào giá

Chương III. Dự thảo hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị báo giá. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa (*nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư...*), dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức Báo giá cạnh tranh qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống mạng SAGRI.

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của Yêu cầu báo giá và Văn bản chào giá.

Chương III. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức:

a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;

b) Hạch toán tài chính độc lập; có chức năng, năng lực thực hiện Gói thầu;

c) Phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước đối với nhà thầu nước ngoài khi tham dự thầu quốc tế tại Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của Gói thầu;

d) Không trong thời gian bị cấm tham dự thầu;

đ) Không trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

2. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật (đối với các lĩnh vực có yêu cầu);

c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;

d) Không trong thời gian bị cấm tham dự thầu.

3. Nhà thầu có tư cách hợp lệ được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ trách nhiệm các thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc theo yêu cầu của Yêu cầu báo giá vào các Mẫu trong Chương II.

Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" của một mục mà nhà thầu ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá với giá đã chào.

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá, giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp

nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá của nhà thầu.

Mục 3. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng, giá chào.
2. Biểu giá theo Mẫu trong Chương II (tùy theo loại gói thầu).

Mục 4. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Văn bản chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Yêu cầu báo giá.
2. Có giá chào thấp nhất.

Mục 5. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lựa chọn nhà thầu theo hình thức Báo giá cạnh tranh và được đăng tải trên Hệ thống mạng SAGRI.

Mục 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Nhà thầu không cần bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 7. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia dự thầu theo hình thức Báo giá cạnh tranh.

Chương II. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Mẫu số 1A

PHẠM VI CUNG CẤP VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Chi tiết gói thầu	Tiến độ thực hiện gói thầu dự kiến
1	Thức ăn cá trắm cỏ giống (hoặc tương đương)	5.700 kg trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

STT	Danh mục nguyên vật liệu	Khối lượng	ĐVT	Mô tả hàng hóa
1	Thức ăn cá trắm cỏ giống (hoặc tương đương)	200	Kg	Độ ẩm tối đa 11%; hàm lượng Protein thô tối thiểu 40%; chất béo thô tối thiểu 8%; hàm lượng xơ thô tối đa 6%; hàm lượng phospho tổng số tối thiểu 1.0%; Lysine tổng số tối thiểu 2.0%; Ethoxyquin tối đa 150ppm... hình dạng: Bột, mảnh.
2	Thức ăn cá trắm cỏ giống (hoặc tương đương)	1.500	Kg	Độ ẩm tối đa 11%; hàm lượng Protein thô tối thiểu 40%; chất béo thô tối thiểu 8%; hàm lượng xơ thô tối đa 6%; hàm lượng phospho tổng số tối thiểu 1.0%; Lysine tổng số tối thiểu 2.0%; Ethoxyquin tối đa 150ppm... hình dạng: viên.
3	Thức ăn cá trắm cỏ giống (hoặc tương đương)	2.000	Kg	Độ ẩm tối đa 11%; hàm lượng Protein thô tối thiểu 40%; chất béo thô tối thiểu 8%; hàm lượng xơ thô tối đa 6%; hàm lượng phospho tổng số tối thiểu 1.0%; Lysine tổng số tối thiểu 1.8%; Ethoxyquin tối đa 150ppm... hình dạng: Bột, mảnh.
4	Thức ăn cá trắm cỏ giống (hoặc tương đương)	2.000	Kg	Độ ẩm tối đa 11%; hàm lượng Protein thô tối thiểu 30%; chất béo thô tối thiểu 4%; hàm lượng xơ thô tối đa 6%; hàm lượng phospho tổng số tối thiểu 0.5%; Lysine tổng số tối thiểu 1.3%; Ethoxyquin tối đa 150ppm... hình dạng: Viên.
	Tổng cộng	5.700	Kg	

HÌNH THỨC NỘP VĂN BẢN CHÀO GIÁ

Bên dự thầu (nhà thầu) nộp Văn bản chào giá theo hình thức:

Mục	Hình thức gửi Văn bản chào giá	Đề xuất	Ghi bằng chữ
1	Gửi qua Hệ thống mạng SAGRI (File): địa chỉ mail: tctnmsg@sagri.com.vn và tai.nt@sagri.com.vn	X	Yêu cầu nhà thầu gửi văn bản chào giá qua địa chỉ mail tctnmsg@sagri.com.vn và tai.nt@sagri.com.vn
2	Gửi văn bản chào giá (file giấy- bản chính) về địa chỉ: Trung tâm Giống Thủy Sản và Cây trồng số 83 Bàu Tre, ấp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TPHCM.	X	Yêu cầu: Gửi văn bản chào giá (file giấy- bản chính) về địa chỉ: Trung tâm Giống Thủy Sản và Cây trồng số 83 Bàu Tre, ấp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TPHCM.

(1) Nhà thầu phải đặt bảo mật (cài mật khẩu) cho File (Văn bản chào giá) và bảo quản mật khẩu. Nhà thầu không được đánh giá xếp loại (bị loại) khi không cung cấp mật khẩu Chủ đầu tư hoặc Bên mời thầu để tiến hành mở thầu

HƯỚNG DẪN NHÀ THẦU

Nhà thầu khi tham gia chào giá phải thực hiện và gửi các Mẫu biểu sau đây:

Mẫu số 1C

HÌNH THỨC NỘP VĂN BẢN CHÀO GIÁ

Bên dự thầu (nhà thầu) nộp Văn bản chào giá theo hình thức:

Mục	Hình thức gửi Văn bản chào giá	Đề xuất	Ghi bằng chữ
1	Gửi qua Hệ thống mạng SAGRI (File): địa chỉ mail: tctnmsg@sagri.com.vn và tai.nt@sagri.com.vn	X	Yêu cầu nhà thầu gửi văn bản chào giá qua địa chỉ mail tctnmsg@sagri.com.vn và tai.nt@sagri.com.vn
2	Gửi văn bản chào giá (file giấy- bản chính) về địa chỉ: Trung tâm Giống Thủy Sản và Cây trồng số 83 Bàu Tre, ấp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TPHCM.	X	Yêu cầu: Gửi văn bản chào giá (file giấy- bản chính) về địa chỉ: Trung tâm Giống Thủy Sản và Cây trồng số 83 Bàu Tre, ấp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TPHCM.

(1) Nhà thầu phải đặt bảo mật (cài mật khẩu) cho File (Văn bản chào giá) và bảo quản mật khẩu. Nhà thầu không được đánh giá xếp loại (bị loại) khi không cung cấp mật khẩu Chủ đầu tư hoặc Bên mời thầu để tiến hành mở thầu

Mẫu số 2

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN (nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Xuất xứ, ký mã hiệu, model, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
						(Cột 3 x 6)
1	2	3	4	5	6	7
1	<i>hàng hóa thứ 1</i>					<i>M1</i>
2	<i>hàng hóa thứ 2</i>					<i>M2</i>
					
<i>n</i>	<i>hàng hóa thứ n</i>					<i>Mn</i>
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						(M)

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Kính gửi: _____

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: _____

- Số đăng ký kinh doanh: _____

cam kết thực hiện gói thầu _____ với các thông tin chính như sau:

- Số Yêu cầu báo giá: _____

- Thời điểm đóng thầu: _____

theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____

Thời gian thực hiện hợp đồng là _____

Hiệu lực của báo giá: _____

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 9 Chương III Dự thảo hợp đồng.

Chương III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

A. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

(Gói thầu mua sắm hàng hóa [nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư])

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];

- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn TNHH MTV – Trung tâm Giống Thủy sản và Cây trồng.

Địa chỉ: 83 Bàu Tre, ấp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản: 6120201008882 Ngân hàng Agribank, chi nhánh Củ Chi

Mã số thuế: 0300636205-009

Đại diện là ông: Nguyễn Tấn Tài - Chức vụ: Giám đốc

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số: 257/GUQ-TCT ngày 07 tháng 5 năm 2021 và quyết định Số 122/Q Đ-TCT ngày 24/5/2021 về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:

E-mail:

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____ - Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và Dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Bản chào giá của nhà thầu;
5. Bản Yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và Dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: *chuyển khoản*.

b) Thời hạn thanh toán: thanh toán ngay khi nhận hàng khi Bên B cung cấp đủ hồ sơ thanh toán.

Hồ sơ thanh toán:

- Biên bản giao hàng hóa, nguyên liệu có xác nhận của đại diện Bên A (được Bên A thông báo cho Bên B ngay khi ký hợp đồng);

- Hóa đơn tài chính có giá trị tương ứng với khối lượng thực nhận.

- Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng (trong trường hợp giao hàng đợt cuối cùng);

- Các văn bản khác có liên quan (nếu có).

c) Số lần thanh toán: Thanh toán theo từng đợt giao nhận hàng hóa.

Điều 6. Loại hợp đồng: đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của Yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Bên A có nhu cầu tăng thêm khối lượng hàng hóa mua (không quá 5% giá trị hợp đồng).

- Bên B đề xuất thay thế mặt hàng cung cấp có chất lượng tương đương (không quá 5% giá trị hợp đồng).

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Hai bên thống nhất không thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này

không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành.

Việc Bên A ký nhận hàng hóa tại thời điểm giao nhận không đồng nghĩa với hàng hóa đạt chất lượng. Bên B phải bảo hành chất lượng hàng hóa trong thời hạn sử dụng và phải cung cấp hàng thay thế trong trường hợp hàng hóa không đạt chất lượng và không do lỗi của Bên A.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: giao hàng thành 4 đợt và kèm theo các tài liệu, chứng từ cho từng đợt giao hàng.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: *hai bên thương lượng trong quá trình đàm phán hợp đồng.*

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

Điều 14. Bảo hành

Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 5 (năm) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền..

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [*Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, chủ đầu tư giữ ____ bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phụ lục

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở Yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp]